TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 28/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Lưu Chúc.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Niê Y Ling (Ba Bin).
- Bà Bùi Thị Lừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Y Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020 và quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2020/QĐ-CA ngày 26 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc T, sinh năm 1967, tại: NĐ; Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn H, huyện A, tỉnh P; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Ngọc L(đã chết) và bà Vũ Thị D (đã chết); Vợ: Phùng Thị Th, sinh năm 1970; Con: 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Bà Phùng Thị Th, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Có mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Ông Cao Xuân H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Có mặt.

2. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1980. Địa chỉ: Xóm G, xã N, huyện Đ, tỉnh T. Vắng mặt.

3. Ông Từ Văn S, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xóm G, xã N, huyện Đ, tỉnh T. Vắng mặt.

4. Ông Lò Văn L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản C, xã Y, huyện L, tỉnh T. Vắng mặt.

5. Ông Lò Văn T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Bản C, xã Y, huyện L, tỉnh T. Vắng mặt.

6. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2018, Phạm Ngọc T mua khoảng 250 m^2 tạp chất đất, đá sái vàng tại thị trấn H, huyện S, tỉnh P vận chuyển về khu vực rẫy thuộc thôn C, xã E, huyện S, tỉnh P. Sau đó, T mua Axít Sulfuric và thủy ngân của các doanh nghiệp vàng tại thị trấn H, huyện S, mua Natri Hydroxit và Natri Xyanua của một đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ tại thành phố Hồ Chí Minh để chiết tách kim loại vàng từ 162,45m^3 đất đá để thu vàng. Ngày 27/3/2019, Phòng cảnh sát môi trường Công an tỉnh P phối hợp với các cơ quan chức năng huyện S kiểm tra phát hiện thu giữ 17,5kg hóa chất dạng viên nén, hình tròn, màu trắng; 126kg Natri Hydroxit; 118kg Axit Sulfuric và 300 gam thủy ngân.

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 777/C09C(Đ4) ngày 12/8/2019 của Phân viện Khoa học hình sự Đà Nẵng kết luận: 17,5kg viên nén hình tròn, màu trắng gửi giám định là Natri Xyanua. Natri Xyanua là chất độc đối với người và gia súc. Natri Xyanua được sử dụng để chiết tách kim loại vàng và các kim loại quý khác từ quặng.

Vật chứng vụ án: Đã thu giữ 17,5kg Natri Xyanua (NaCN), 126kg Natri Hydroxít (NaOH), 300 gam thủy ngân (Hg), 118kg Axít Sulfuric (H_2SO_4); 02 máy xay D22 và D24 kèm theo hệ thống cối xay.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 27/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo về tội "Sử dụng trái phép chất độc" theo quy định tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật hình sự.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định trả hồ sơ điều trả bổ sung số 01/2020/HSST-QĐ; yêu cầu điều tra bổ sung nguồn gốc, số lượng chất độc bị cáo đã mua và vai trò của bà Phùng Thị T trong vụ án để tránh bỏ lọt tội phạm.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh có công văn số 01/CV-VKS vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như tại Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 27/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh.

Tại phiên toà:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và theo nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Chỉ vì lợi nhuận, bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất độc để khai thác vàng, bị cáo biết lỗi, ăn năn, hối cải mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo hứa cố gắng tự cải tạo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Th trình bày: Bà Th và bị cáo T là vợ chồng. Bà Th có biết việc bị cáo mua đất đá có chứa quặng để khai thác, tận thu vàng nhưng việc mua chất độc và quy trình chế biến, tận thu vàng như thế nào bà Th không biết và không tham gia. Vì chất độc Xyanua cấm mua bán, tàng trữ, sử dụng nên bà Th không biết. Toàn bộ quá trình phạm tội chỉ do bị cáo T thực hiện; tài sản là vật chứng của vụ án bị cáo tự mua, tự sử dụng bà không tranh chấp số tài sản này và yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội *"Sử dụng trái phép chất độc";* Căn cứ khoản 1 Điều 311 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo T từ 24 tháng đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ 17,5kg Natri Xyanua (NaCN), 126kg Natri Hydroxít (NaOH), 300 gam thủy ngân (Hg), 118kg Axít Sulfuric (H_2SO_4); 02 máy xay D22 và D24 kèm theo hệ thống cối xay.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Hinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu, chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Tháng 8 năm 2018, Phạm Ngọc T mua khoảng 250m^3 đất, đá có chứa vàng mang về rẫy của T tại thôn C, xã E, huyện S để tận thu vàng. T mua Natri Xyanua (NaCN) của một đối tượng không rõ họ tên, không rõ địa chỉ tại thành phố Hồ Chí Minh cùng một số hóa chất khác dùng để chiết tách kim loại vàng từ quặng. Ngày 27/3/2019, Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh P phối hợp với công an xã E kiểm tra phát hiện T đang khai thác vàng trái phép. Tại hiện trường thu giữ được 17,5kg NaCN, mẫu đất, nước trong hồ chứa đều có NaCN. NaCN là chất độc đối với người và gia súc, các hợp chất Xyanua nằm trong phụ lục II, STT73, danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp ban hành kèm theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017. Hành vi mua NaCN của bị cáo để sử dụng khai thác vàng đã phạm vào tội "Sử dụng trái phép chất độc".

Căn cứ Điều 311 Bộ luật hình sự năm 2015 thì các tình tiết định khung *"vật phạm pháp có số lượng lớn, rất lớn, đặt biệt lớn"* đã được xóa bỏ so với Điều 238 Bộ luật hình sự 1999. Đây là những nội dung mà Điều 311 Bộ luật hình sự 2015 quy định có lợi cho người phạm tội. Tuy nhiên, quy định này đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2017 theo hướng giữ các tình tiết định khung *"vật phạm pháp có số lượng lớn, rất lớn, đặt biệt lớn"*. Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13; không xác định cụ thể thời gian có hiệu lực của các tình tiết quy định có lợi cho người phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015 mà lần sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã xóa bỏ. Trong khi chờ hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao về tình tiết "*vật phạm pháp có số lượng lớn, rất lớn, đặc biệt lớn*", việc truy tố, xét xử đối với hành vi sử dụng 17,5 kg chất độc theo hướng có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi năm 2017 là có căn cứ và phù hợp.

Như vậy, hành vi của Phạm Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Sử dụng trái phép chất độc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 27/11/2019 của VKSND huyện Sông Hinh truy tố bị cáo về tội *"Sử dụng trái phép chất độc"* là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, xâm phạm đến trật tự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất độc. Chỉ vì lợi nhuận mà bị cáo bất chấp pháp luật. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng môi trường sống, đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của con người và các sinh vật. Lỗi này hoàn toàn thuộc về bị cáo, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Cần áp dụng đối với bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội nhằm cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội cũng như để đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo có cha đẻ là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo trong quá trình lượng hình.

[5] Về hình phạt: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có hai tình tiết giảm nhẹ *"thật thà khai báo", "ăn năn hối cải"* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng; Xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù vì người phạm tội có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo T được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho UBND thị trấn Hai Riêng giám sát, giáo dục trong thời gian thử trách là đủ nghiêm, thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước toàn bộ 17,5kg Natri Xyanua (NaCN), 126kg Natri Hydroxít (NaOH), 300 gam thủy ngân (Hg), 118kg Axit Sulfuric (H_2SO_4); 02 máy xay D22 và D24 kèm theo hệ thống cối xay là vật chứng của vụ án vì là vật, công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và có giá trị sử dụng.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 311 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều

51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội *"Sử dụng trái phép chất độc"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc T** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Ngọc T cho UBND thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 Luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch sung công quỹ Nhà nước toàn bộ 17,5kg Natri Xyanua (NaCN), 126kg Natri Hydroxít (NaOH), 300 gam thủy ngân (Hg), 118kg Axit Sulfuric (H_2SO_4); 02 máy xay D22 và D24 kèm theo hệ thống cối xay là vật chứng của vụ án (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2019 giữa Công an huyện Sông Hinh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.Sông Hinh (2);
- Công an H.Sông Hinh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Lưu Chúc